

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 1041/QĐ-UBND

Buôn Hồ, ngày 12 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai dự toán ngân sách Nhà nước quý I năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của Hội đồng Nhân dân thị xã khóa IV, kỳ họp thứ 3 về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của phòng Tài chính- Kế hoạch thị xã tại Tờ trình số 28 /TTr - TCKH ngày 06 /4/2022 V/v công khai dự toán ngân sách Nhà nước quý I năm 2022 của thị xã Buôn Hồ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai dự toán ngân sách Nhà nước quý I năm 2022 của thị xã Buôn Hồ (chi tiết như biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Chánh văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc ngân sách thị xã và Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- TT Thị ủy (b/c);
- TT HĐND thị xã (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Ban KTXH HĐND thị xã;
- Kho bạc NN Buôn Hồ;
- CCT KV Buôn Hồ-Krông Năng;
- Website thị xã;
- Lưu VT, TCKH (V.Anh-100b). *[Signature]*

CHỦ TỊCH



Phạm Phú Lộc

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 104/QĐ-UBND, ngày 14/4/2022 của UBND thị xã Buôn Hồ)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	105.900	29.140	27,52	113,94
I	Thu cân đối NSNN	105.900	29.140	27,52	113,94
1	Thu nội địa	105.900	29.140	27,52	113,94
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	495.547	94.307	19,03	97,88
I	Tổng chi cân đối ngân sách thị xã	445.458	87.598	19,66	90,92
1	Chi đầu tư phát triển	39.400	1.178	2,99	31,09
2	Chi thường xuyên	396.206	86.420	21,81	93,37
3	Dự phòng ngân sách	9.852	0	0,00	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	46.589	6.709	14,40	
III	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương 70% từ nguồn tăng thu thuế phí	3.500			

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 101/QĐ-UBND, ngày 14/4/2022 của UBND thị xã Buôn Hồ)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	105.900	29.140	27,52	113,94
I	Thu nội địa	105.900	29.140	27,52	113,94
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	600	21	3,50	10,45
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	22.350	4.186	18,73	53,60
4	Thu thuế thu nhập cá nhân	15.700	9.399	59,87	264,46
5	Thu phạt do ngành thuế thực hiện	1.000	628	62,80	365,12
6	Lệ phí trước bạ	16.000	6.407	40,04	171,95
7	Thu phí, lệ phí	5.200	3.720	71,54	145,77
8	Các khoản thu về nhà, đất	40.150	4.113	10,24	79,16
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	39	39,00	118,18
	Thu tiền sử dụng đất	40.000	4.040	10,10	80,74
	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	50	34	68,00	21,38
9	Thu khác ngân sách	2.900	240	8,28	13,48
10	Thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATGT	2.000	426	21,30	73,20
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	84.714	25.987	30,68	112,58
1	Từ các khoản thu phân chia	80.851	25.584	31,64	117,06
2	Các khoản thu ngân sách thị xã được hưởng 100%	3.863	403	10,43	32,82

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 464/QĐ-UBND, ngày 14/4/2022 của UBND thị xã Buôn Hồ)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2022	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	495.547	94.307	19,03	97,88
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	445.458	87.598	19,66	90,92
I	Chi đầu tư phát triển	39.400	1.178	2,99	31,09
1	Chi đầu tư cho các dự án				
2	Chi đầu tư phát triển khác	39.400	1.178	2,99	31,09
II	Chi thường xuyên	396.206	86.420	21,81	93,37
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	241.854	53.673	22,19	102,34
2	Chi văn hóa thông tin	2.711	646	23,83	125,19
3	Chi phát thanh, truyền hình	2.191	454	20,72	96,80
4	Chi thể dục thể thao	1.253	116	9,26	50,66
5	Chi bảo vệ môi trường	4.532	1.120	24,71	190,80
6	Chi hoạt động kinh tế	39.355	4.568	11,61	94,50
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	90.061	22.090	24,53	85,47
8	Chi đảm bảo xã hội	3.661	141	3,85	2,98
9	Chi khác ngân sách	1.925	300	15,58	28,68
III	Dự phòng ngân sách	9.852	0	0,00	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	46.589	6.709	14,40	
	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	46.589	6.709	14,40	
C	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương 70% từ nguồn tăng thu thuế phí	3.500			